

TRẢ BÀI UNIT 2- GRADE 12

1. **accelerate** /ək'seləreit/ (v): làm gia tăng, tăng tốc
2. **facilities** /fə'sɪlɪtɪz/ (n): phương thức, phương tiện
3. **immigrate** /'ɪmɪgreɪt/ (v): nhập cư
4. **migrate** /maɪ'greɪt/ (v): di trú, di cư
5. **management capacity** /'mænɪdʒmənt kə'pæsɪti/ (n): năng lực quản lý
6. **amenity** /ə'mi:nəti/ (n): đầy đủ tiện nghi
7. **take advantage of** something /əd'væntɪdʒ/= **make use of** something
8. **Confront with** something = **face, come up against** something
9. **result in** (v) = **bring about, cause**: gây ra, dẫn đến
10. **slum** /slʌm/ (n): khu nhà ổ chuột
11. **insufficient** /'ɪnsə'fɪʃənt/ (adj): không đủ, thiếu
12. **unemployment** /ˌʌnɪm'plɔɪmənt/ (n): sự thất nghiệp
13. **long-term** /'lɒŋtɜ:m/ (adj): dài hạn
14. **overpopulated** /ˌəʊvə'pɒpjuleɪtɪd/ (adj.): quá đông dân
15. **strain** /streɪn/ (n.): gánh nặng, áp lực